

THỜI KHOA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026

Tuần 16: từ ngày 01/12/2025 đến ngày 07/12/2025

Thứ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
LỚP						
K10-DVTY P.E201	Sáng	KTNPTB cho lợn (Hưng) (P.B101)	4	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) (P.B101)	4	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) (P.B101)
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Duyên) PP thí nghiệm (Hằng)	1 3	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) (Hằng)	4	Quan trị kinh doanh (Hoa)
	Sáng					
K11-DVTY P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Quỳnh) Luật thú y (Nga)	1 3	GD và ĐTH thú y (Vân)	4	GD và ĐTH thú y (Vân)
	Chiều					Phương pháp thí nghiệm (Phượng)
	Sáng			Anh văn CN (Phiên)	4	Lý thuyết KT (Q.Mai)
K11-KTDN P.E305	Sáng	Sinh hoạt lớp (Thuý) KTNSXP (Hoa)	1 3			
	Chiều					
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Bình) CBBQ sau thu hoạch (Huyền)	1 3	Khi tượng NN (Lịch)	4	Phòng trừ dịch hại (Triệu)
	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hương) GDTC (Quang)	1 3	Khuyến nông (Huê)	4	Côn trùng đại cương (Hương)
TT65A3 P.B102	Chiều					
	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) GDTC (Quang)	1 3	Khuyến nông (Thọ)	4	Giống cây trồng (Huyền)
	Chiều					
Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1						
CN64A1 P.E203	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) KTNPTB cho gà vịt (Hoà)	1 3	Trồng trọt cơ bản (Huyền)	4	KTNPTB cho lợn (Hưng)
	Sáng	Sinh hoạt lớp (Lệ) KTTG (Quỳnh)	1 3	Được lý thú y (Lệ) GDTC (Thuý)	2 2	Được lý thú y (Lệ)
CN65A1 P.B202	Chiều					
	Sáng	Sinh hoạt lớp (H.Nga) GD chính trị (Quê)	1 3	Pháp luật (Nga) GDTC (Hội)	2 2	Được lý thú y (Duyên)
	Chiều					

CN65A4 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Vân)	1	Giải phẫu sinh lý VN (Hàng)	4	GDTC (Hà)	4	GD chính trị (Quế)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều	Dược lý thú y (Lệ)	3								
LN65A	Sáng	Sinh hoạt lớp (Lịch)	1	Vườn ươm cây giống (Hùng)	4	Vườn ươm cây giống (Hùng)	4	Sinh thái rừng và MT (Tuyệt)	4	Sinh thái rừng và MT (Tuyệt)	4
	Chiều	GDTC (Quang)	3								
KTDN64A1 P.E202	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoa)	1	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4	Kế toán DN2 (P.Thảo)	4		
KTDN64A2 P.E204	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thủy)	1	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4		
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dung)	1	GD chính trị (Quế)	2	Tiếng anh (Linh)	2	Lý thuyết KT (Q.Mai)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều	Kinh tế vi mô (Thủy)	3	Tiếng anh (Linh)	2	GD chính trị (Quế)	2				
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Sinh hoạt lớp (P.Thảo)	1	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Kinh tế vi mô (Thủy)	4	Kỹ năng mềm (Son)	2
	Chiều	Tiếng anh (K.Nhung)	3							GDTC (Quang)	2
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Quang)	1	Lập trình Windown (Thảo)	4	QTCSDL với Access (Phuong)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4
CNTT64A2 P.TH	Sáng	Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1	XD và QL Website (Quang)	4	XD và QL Website (Quang)	4	QTCSDL với Access (Phuong)	4	HDH Windown server (Tâm)	4
	Chiều	Lập trình Windown (Thảo)	3								
CNTT65A1 P.B205	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hà)	1	Bảng tính Excel (Hà)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Tin học VP (Tâm)	4	GD chính trị (Thắm)	2
	Chiều	Bảng tính Excel (Hà)	3							GDTC (Thủy)	2
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Sinh hoạt lớp (Phuong)	1	Tiếng anh (Linh)	2	GD chính trị (Quế)	2	Bảng tính Excel (Hà)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều	Tin học VP (Phuong)	3	GD chính trị (Quế)	2	Tiếng anh (Linh)	2				
ĐCN64A1 P.E103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Tuấn)	1	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	Trang bị điện (Nga)	4			Trang bị điện (Nga)	4
ĐCN64A2 P.E104	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Giáp)	1	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4			KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4

ĐCN64A3 P.E102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	<i>I</i>	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	
	Chiều	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	3							
ĐCN 64B	Sáng									
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i>	<i>I</i>	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i>	<i>I</i>	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Vật liệu điện (N.Đức)	4	Vật liệu điện (N.Đức)
	Chiều	Tiếng anh (Phiên)	3							
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i>	<i>I</i>	Mạch điện (Huyền)	4	Vật liệu điện (N.Đức)	4	Mạch điện (Huyền)	4	An toàn điện (Hoà)
	Chiều	Tiếng anh (T.Nhung)	3							
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i>	<i>I</i>	An toàn điện (Hoà)	4	Mạch điện (Dương)	4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)
	Chiều	Vẽ KT điện (N.Đức)	3							
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i>	<i>I</i>	Mạch điện (Dương)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)
	Chiều	Pháp luật (Huyền)	3					Vẽ KT điện (N.Đức)	4	
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i>	<i>I</i>	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Khí cụ điện (Nga)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Mạch điện (Huyền)
	Chiều	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	3							
TL64	Sáng									
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i>	<i>I</i>	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	3	
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i>	<i>I</i>	Vật liệu (N.Đức)	4	Thủy văn (Hoà)	4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)
	Chiều	Cơ kỹ thuật (Huyền)	3							
KTDN64B	Sáng									
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i>	<i>I</i>	Kế toán DN2 (Dung)	4	Kế toán DN2 (Dung)	4	Thuế (T.Thảo)	4	Thuế (T.Thảo)
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	<i>I</i>	Kinh tế vi mô (Thủy)	4	Kinh tế vi mô (Thủy)	4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)
	Chiều	Nguyên lý thống kê (Mai)	4							

CBBQ64	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i>	1	Kỹ thuật điện (Năm)	3	Kỹ thuật điện (Năm)	3	CB nước mắm (Liên)	3
	Chiều	CB nước mắm (Liên)	3						
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i>	1	Vi sinh vật TP (Liên)	3	Vi sinh vật TP (Liên)	3	Tin học (Quang)	4
	Chiều	KT lạnh cơ sở (Năm)	3						
KTMTT64	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i>	1	Khai thác máy phụ TT (Đông)	3	Khai thác máy phụ TT (Đông)	3	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	3
	Chiều	Khai thác máy phụ TT (Đông)	3						
KTMTT65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i>	1	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Tin học (Quang)	4
	Chiều	Cơ kỹ thuật (Huyền)	3						
NTTS64	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i>	1	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh)	3
	Chiều	Vận chuyển ĐVTS (Năm)	3						
ĐKTB65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i>	1	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Tin học (Quang)	4
	Chiều	ATLĐ hàng hải (Ánh)	4						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

LỚP	THỨ	Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
TT64A2	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i>		<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i>	1	Phòng trừ dịch hại (Lịch)	4
	Chiều	Phòng trừ dịch hại (Lịch)		Phòng trừ dịch hại (Lịch)	4	Phòng trừ dịch hại (Lịch)	4
TT64A3	Sáng			CBBQ sau thu hoạch (Huyền)	4	Khuyến nông (Thọ)	4
	Chiều	Cây lương thực (Bình)	4	<i>Sinh hoạt lớp (Huế)</i>	1	Khuyến nông (Thọ)	4
CN64A2	Sáng	KTNPBT cho gà vịt (Quyên)	4	Côn trùng chuyên khoa (Huế)	4	Khuyến nông (Thọ)	4
	Chiều	Khuyến nông (Triệu)	4	Thủy nông (Lịch)	4	Khuyến nông (Thọ)	4
P.B205	Sáng			<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1	KTTG (Vân)	4
	Chiều			VSV - TN (Phượng)	4	Khuyến nông (Triệu)	4
K9-DCN	Sáng			<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i>	1	Cơ kỹ thuật (Dương)	4
	Chiều			Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Khuyến nông (Triệu)	4
				Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Dương)	4



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 07/12/2025

THỨ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
LỚP						
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	2 Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	2 Địa lý (Thủy) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	4 Lịch sử (Hà)	4 GDKT và PL (Đ. Thủy)
	Chiều	Lịch sử (Hà) 4	4 Địa lý (Thủy) 4	4 Ngữ văn (Hằng) 4	4 GDKT và PL (Đ. Thủy)	4 Toán (Nhưng)
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Toán (Lan Anh) 3	2 Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	2 Lịch sử (Dự) 2 Địa lý (Phượng) 2	4 GDKT và PL (Quốc)	4 CD Ngữ văn (Hằng)
	Chiều		4 Ngữ văn (Hằng) 4	4 Lịch sử (Dự) 4	4 Toán (Lan Anh)	4 GDKT và PL (Quốc)
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) 1 CD Lịch sử (Dự) 3	2 Ngữ văn (H.Hà) 2 Địa lý (Lực) 2	4 Toán (Nhưng) 4 Địa lý (Lực) 2 Sinh học (Phượng) 2	2 Địa lý (Lực) 2 Sinh học (Phượng) 2	2 GDKT và PL (Quyên) 2 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4		4 Ngữ văn (H.Hà) 4	4 Toán (Nhưng)	4 GDKT và PL (Quyên)
VH63B6 P.B304	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Hoá học (Vân) 3	2 GDKT và PL (Tài) 2 Toán (Nhưng) 2	2 Hoá học (Vân) 2 Vật lý (Hoà) 2	2 Vật lý (Hoà) 2 Địa lý (Lực) 2	2 Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng)
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	4 Lịch sử (Lý) 4	4 Ngữ văn (Hường) 4	4 GDKT và PL (Tài)	
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Địa lý (Ngọc) 3	4 Toán (Quý) 4 Hoá học (Vân) 2	2 Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2	2 Ngữ văn (H.Hà) 2 CD Ngữ văn (H.Hà) 2	2 Toán (Quý) 2 Lịch sử (Lý)
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 4	4 GDKT và PL (Nga) 4	4 Địa lý (Ngọc) 4		4 Toán (Quý)
VH63B8 P.B301	Sáng	HĐTN (K.Nhưng) 1 Sinh học (Phượng) 3	2 Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2	2 GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2	2 CD Lịch sử (Dự) 2 CD Ngữ văn (Hường) 2	2 Địa lý (Lực) 2 Toán (Quý)
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	4 GDKT và PL (Quyên) 4		4 Toán (Quý)	4 Ngữ văn (Hường)

VH64B1	Sáng	<i>HĐTN (Hàng)</i> Địa lý (Thủy)	I	Hoá học (Doan)	2	Ngữ văn (Hàng)	2	Toán (Nhưng)	2	Vật lý (Son)	4
VH64B3 P.B306	Sáng	<i>HĐTN (Vân)</i> CD GDKT và PL (Quyên)	I	Hoá học (Vân) Ngữ văn (Hường)	2 2	Ngữ văn (Hường) Toán (Dương)	2 2	CD Địa lý (Thủy)	2	4 Hoá học (Vân) Vật lý (Hoà)	2 2
VH64B4 P.E201	Sáng	<i>HĐTN (H.Nga)</i> Vật lý (Trung)	I	Toán (Nhưng) Địa lý (Nga)	2 2	Ngữ văn (Hà)	4	CD Địa lý (Nga) GDKT và PL (Thắm)	2 2	2 Toán (Nhưng) Hoá học (Hà)	2 2
VH64B5 P.E202	Sáng	<i>HĐTN (Dương)</i> Toán (Dương)	I	Ngữ văn (Chi)	4	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4	2 Vật lý (Hoà) Địa lý (Lực)	2 2
VH64B6 P. E204	Sáng	<i>HĐTN (H. Hà)</i> CD Địa lý (Lực)	I	CD Lịch sử (Hàng)	4	Sinh học (Phượng) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Toán (Quý)	2 2	2 Hoá học (Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2
VH64B8 P.E203	Sáng	<i>HĐTN (Phiên)</i> Ngữ văn (Lý)	I	Sinh học (Phượng) Hoá học (Vân)	2 2	Địa lý (Lực) CD Địa lý (Lực)	2 2	Toán (Lan Anh)	4	2 CD Lịch sử (Dự) Hoá học (Vân)	2 2
VH65B1	Chiều	<i>HĐTN (Thủy)</i> Ngữ văn (Hàng)	I	Toán (Hương) CD GDKT và PL (Thủy)	2 2	Hoá học (Doan) Toán (Hương)	2 2	Ngữ văn (Hàng)	4	4 CD Ngữ văn (Hàng)	
VH65B2 P.E302	Chiều	<i>HĐTN (Quyên)</i> GDKT và PL (Quyên)	I	CD Ngữ văn (H.Hà)	4	Toán (Dương) CD GDKT và PL (Quyên)	2 2	Toán (Dương) Hóa học (Hà)	2 2	2 Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2
VH65B3 P.E301	Chiều	<i>HĐTN (Quý)</i> Vật lý (Trung)	I	CD Lịch sử (Dự) Địa lý (Phượng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) CD GDKT và PL (Thắm)	2 2			4 Ngữ văn (Lý)	
VH65B4 P.E101	Chiều	<i>HĐTN (Mạnh)</i> Ngữ văn (Chi)	I	Địa lý (Lực)	4	Vật lý (Trung) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4	2 CD lịch sử (Hàng) Hoá học (Vân)	2 2

VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Lực) Toán (Dương)	I 3	Ngữ văn (Hà)	4	Địa lý (Lực) Sinh học (Phượng)	2 2	CD Lịch sử (Hằng) CD GDKT và PL (Nga)	2 2	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hoà)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) Sinh học (Phượng)	I 3	CD GDKT và PL (Thắm)	4	CD Ngữ văn (Chi)	4	Vật lý (Trung) Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) CD lịch sử (Hằng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	I 3	Toán (L..Anh)	4	GDKT và PL (Nga) CD GDKT và PL (Nga)	2 2	Ngữ văn (Lý)	4	Địa lý (Phượng) CD Địa lý (Phượng)	2 2
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) Ngữ văn (Hường)	I 3	CD Ngữ văn (Hường)	4	Sinh học (Phượng) Địa lý (Lực)	2 2	GDKT và PL (Quyên) CD Địa lý (Lực)	2 2	Toán (L..Anh)	4
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	I 3	CD Địa lý (Phượng) Sinh học (Hồng)	2 2	Hóa học (Hà) Sinh học (Hồng)	2 2	Hóa học (Hà) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm) GDKT và PL (Thắm)	I 3	Sinh học (Hồng) Toán (Dương)	2 2	CD Địa lý (Thủy)	4	Sinh học (Hồng) Toán (Dương)	2 2	Địa lý (Thủy)	4
VH65B11 P.B201	Chiều	HĐTN (Quế) GDKT và PL (Quế)	I 3	Toán (Dương) Hóa học (Vân)	2 2	Sinh học (Hồng) Địa lý (Nga)	2 2	Ngữ văn (Hà)	4	Sinh học (Hồng) CD Địa lý (Nga)	2 2

KT-HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu